

Bản án số: 67/2025/HS-ST
Ngày: 07-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Bà Nguyễn Ngọc Xuyên;

Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 214/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lâm Trần Công Y sinh năm 1993 tại tỉnh Hà Tĩnh; căn cước công dân: 042093016885; nơi cư trú: TDP B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: nhân viên ngân hàng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lâm Công B và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 12 năm 2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lâm Trần Công Y: Luật sư Bùi Xuân N, là Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Trịnh Thị N1 sinh năm 1989;

2. Ông Trịnh Bá H1 sinh năm 1986;

Cùng nơi cư trú: số C, tổ B, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Minh N2 sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt);
2. Ông Trần Hoàng M sinh năm: 1985; nơi cư trú: số B N, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt);
3. Bà Trần Thị Trúc P sinh năm: 1981; nơi thường trú: C, đường C, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ; nơi tạm trú: 637 đường C, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt);
4. Bà Trần Thị H sinh năm 1971; nơi cư trú: số nhà B, đường N, tổ dân phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đức H2 sinh năm 1990 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Trung K sinh năm 1997 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Trần Công Y là nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Q (V) – Chi nhánh Q1, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: C đường P, phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) từ tháng 06/2022. Tháng 03/2023, Y liên hệ với đồng nghiệp là ông Nguyễn Đức H2 nhờ ông H2 giới thiệu khách hàng để Y liên hệ vay tiền làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Ông H2 tin tưởng nên giới thiệu vợ chồng bà Trịnh Thị N1 và ông Trịnh Bá H1 cho Y.

Khi Y gặp vợ chồng bà N1, Y giới thiệu là nhân viên tín dụng Ngân hàng V – Chi nhánh Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Y biết nhiều khách hàng có nhu cầu đáo hạn ngân hàng. Y nói với vợ chồng bà N1 cho Y vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách, sau khi làm thủ tục đáo hạn xong, Y cam kết sẽ trả tiền gốc và chia tiền hoa hồng cho vợ chồng bà N1. Tin tưởng Y nên vợ chồng bà N1 đồng ý.

Khoảng cuối tháng 5/2023, ông Nguyễn Minh N2 liên hệ với Y để nhờ Yên kiểm tra, thẩm duyệt hồ sơ vay, đáo hạn khoản vay của ông Trần Hoàng M và bà Trần Thị Trúc P. Y đã liên hệ với vợ chồng bà N1 vay tiền để thực hiện đáo hạn cho bà P. Để cho vợ chồng bà N1 tin tưởng, Y nói sẽ dẫn vợ chồng bà N1 đi gặp trực tiếp bà P.

Sáng ngày 26/5/2023, Y cùng ông Trịnh Bá H1 và ông Nguyễn Trung K (quản lý của Y) đi đến nhà ông Trần Hoàng M tại phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để ông K và Yên thẩm duyệt hồ sơ vay thế chấp của ông M. Chiều cùng ngày, ông M, Y và ông H1 đến nhà bà P tại địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Khi đến nhà bà P, ông H1 ngồi ở bên ngoài còn Y và ông M đi vào bên trong để bàn bạc với bà P. Tại đây, bà P trình bày đang có nhu cầu đáo hạn và vay thế chấp 03 (ba) thửa đất nên đề nghị Yên hỗ trợ thủ tục đáo hạn.

Y hứa hẹn sẽ kiểm tra và trả lời cho bà P sau. Đến sáng ngày 27/5/2023, ông M, ông N2, Y, ông K, ông H1 cùng ăn, uống nước tại quán C, địa chỉ: KDC P, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ, Y nói với mọi người về việc Y chuẩn bị thực hiện “cây” đảo hạn khoản vay 13.000.000.000 đồng cho bà P. Do đó, ông H1 tin tưởng việc Y thực hiện việc đảo hạn khoản vay cho bà P là thật.

Sau đó, Y liên hệ vợ chồng bà N1 vay 13.000.000.000 đồng để thực hiện việc đảo hạn khoản vay cho bà P, thời gian đảo hạn từ 02 đến 07 ngày, tiền hoa hồng là 45 triệu đồng. Bà N1 đồng ý nên chuyển tiền cho Y cụ thể như sau:

Ngày 31/5/2023, vợ chồng bà N1 chuyển khoản vào số tài khoản 021235090 Ngân hàng VIB của Y 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Để cho vợ chồng bà N1 tin tưởng, Y viết 01 (một) giấy vay tiền có nội dung về việc vợ chồng bà N1 giao cho Y 1.200.000.000 đồng với mục đích “rút sổ ngân hàng”.

Ngày 02/6/2023, ông H1 chuyển khoản 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) vào số tài khoản: 3020 1006 86688 mở tại Ngân hàng MB của Y.

Ngày 05/6/2023, ông H1 chuyển khoản 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) vào số tài khoản: 3020 1006 86688 mở tại Ngân hàng MB của Y.

Ngày 06/6/2023, ông H1 chuyển khoản 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu đồng) vào số tài khoản: 021235090 Ngân hàng VIB của Y.

Tổng số tiền mà vợ chồng bà N1 giao cho Y để thực hiện việc đảo hạn cho bà P là 5.500.000.000 đồng (do vợ chồng bà N1 không có đủ 13.000.000.000 đồng). Quá trình điều tra Y khai nhận đã dùng số tiền trên chơi tiền ảo qua mạng xã hội hết.

Sau nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng Y không thực hiện, ngày 20/6/2023 vợ chồng bà N1 đến Ngân hàng V – Chi nhánh Q1 để gặp Y. Tại đây, vợ chồng và bà N1 và Y lập 01 (một) giấy vay tiền có nội dung về việc vợ chồng bà N1 giao cho Y 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay tiền “đưa tiền đảo hạn cho khách”. Ông Nguyễn Đức H2, ký xác nhận người làm chứng trong giấy vay tiền ngày 31/5/2023 và giấy vay tiền ngày 20/6/2023.

Sau đó, Y không trả tiền cho vợ chồng bà N1 mà nghỉ việc tại Ngân hàng V – Chi nhánh Q1 từ cuối tháng 6/2023 và cắt liên lạc với vợ chồng bà N1. Ngày 27/10/2023, bà N1 tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Y đến Cơ quan điều tra.

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Trần Thị Trúc P, ông Trần Hoàng M khai báo không liên hệ, giao nhận tiền hoặc thực hiện thủ tục tất toán, đảo hạn khoản vay nào với Lâm Trần Công Y. Ngày 26/5/2023, Y chỉ kiểm tra và nói sẽ báo kết quả sau nhưng sau đó không liên lạc, cũng không trả lời cho bà P, ông M.

Tại Kết luận giám định số 585 ngày 08/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên các tài liệu chứng cứ thu thập được là do Lâm Trần Công Y ký, viết, in ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng bà Trịnh Thị N1 yêu cầu Y trả lại số tiền đã chiếm đoạt 5.500.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 273/CT-VKSBD-P2 ngày 04 tháng 11 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Lâm Trần Công Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Y mức hình phạt từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, về trách nhiệm dân sự đề nghị xử lý bồi thường dân sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với nội dung cáo trạng và đại diện Viện kiểm sát truy tố; tuy nhiên không đồng ý với tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, có ông nội là Liệt sỹ nên đề nghị áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét tuyên mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa: những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và được

công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp tài liệu chứng cứ thu giữ được trong vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ ngày 31/5/2023 đến ngày 06/6/2023, tại tỉnh Bình Dương, Lâm Trần Công Y lợi dụng vị trí công việc là nhân viên Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra thông tin gian dối về việc vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách rồi chiếm đoạt của vợ chồng bà Trịnh Thị N1 và ông Trịnh Bá H1 5.500.000.000 đồng Y dùng tiền trên chơi tiền ảo trên mạng xã hội hết. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đưa thông tin gian dối về việc vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách rồi chiếm đoạt tiền của bị hại là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên phải chịu trách nhiệm về hành vi mà mình đã thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo sau phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, đồng thời gia đình bị cáo Lâm Trần Công Y có ông nội (Liệt sĩ Lâm Công T) là người có công với Cách mạng. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp.

[7] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên như đại diện

Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị áp dụng tình tiết điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét tuyên mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo là có căn cứ.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị H tự nguyện khắc phục hậu quả không yêu cầu bị cáo Y hoàn trả lại tiền đã nộp thay cho bị cáo đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đối với số tiền 10.000.000 đồng do bà Trần Thị H (mẹ ruột của bị cáo Lâm Trần Công Y) nộp khắc phục hậu quả cho bị hại tại Biên lai thu tiền số 0000326 ngày 21 tháng 01 năm 2025 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng hiện bị cáo chưa bồi thường. Do đó, buộc bị cáo Lâm Trần Công Y có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền 5.500.000.000 đồng theo yêu cầu.

[11] Án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải bầu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lâm Trần Công Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lâm Trần Công Y 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 12 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 583, 584 585, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Lâm Trần Công Y có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị N1 và ông Trịnh Bá H1 số tiền 5.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng do bà Trần Thị H (mẹ ruột của bị cáo Lâm Trần Công Y) nộp khắc phục hậu quả cho bị hại tại Biên lai thu tiền số 0000326 ngày 21 tháng 01 năm 2025 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: bị cáo Trần Lâm Công Y1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 113.500.000 (một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.